

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 15.11.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 4.12

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52510850200000001	NGUYEN THANH HIEN	女	1998-05-15	035198006265	LE 4.12	
2	H52510850200000002	PHAN HAI ANH	女	2006-10-28	035306000755	LE 4.12	
3	H52510850200000003	TRAN THI HA TRANG	女	2006-11-01	0353060005233	LE 4.12	
4	H52510850200000004	LE THI NGOC ANH	女	2001-01-16	036301012074	LE 4.12	
5	H52510850200000005	PHAM KHANH LY	女	2006-10-10	036306006110	LE 4.12	
6	H52510850200000006	PHAM HOANG NGAN	女	2006-04-20	036306012213	LE 4.12	
7	H52510850200000007	NGUYEN THI NGA	女	1999-09-03	037199005803	LE 4.12	
8	H52510850200000008	PHAM QUYNH ANH	女	2004-05-28	037304003061	LE 4.12	
9	H52510850200000009	DO THI THUY	女	1992-02-23	038192003383	LE 4.12	
10	H52510850200000010	NHU TRONG TRIEU	男	2003-12-06	038203023326	LE 4.12	
11	H52510850200000011	NGUYEN THI THU HUYEN	女	2000-02-13	038300029867	LE 4.12	
12	H52510850200000012	NGO ANH NGOC	女	2002-05-20	038302018506	LE 4.12	
13	H52510850200000013	TRINH NHAT MAI	女	2004-08-02	038304006905	LE 4.12	
14	H52510850200000014	LE THI THIEN NGA	女	2004-01-20	038304009983	LE 4.12	
15	H52510850200000015	NGUYEN NGOC MINH	女	2004-06-14	038304014043	LE 4.12	
16	H52510850200000016	PHAM QUYNH ANH	女	2004-04-01	038304030022	LE 4.12	
17	H52510850200000017	TRINH THUY TIEN	女	2006-03-31	038306000406	LE 4.12	
18	H52510850200000018	HOANG LINH	女	2006-09-22	038306023292	LE 4.12	
19	H52510850200000019	NGUYEN HOANG THUY LINH	女	2008-09-09	038308015702	LE 4.12	
20	H52510850200000020	VO THI SAU	女	1996-07-08	040196007190	LE 4.12	
21	H52510850200000021	CHE THI THUY LINH	女	1999-05-29	040199006350	LE 4.12	
22	H52510850200000022	DANG NGOC HIEU	男	2001-09-12	040201000347	LE 4.12	
23	H52510850200000023	NGO THI NGOC MY	女	2000-01-13	040300005600	LE 4.12	
24	H52510850200000024	LE THI THUY QUYNH	女	2002-03-26	040302010229	LE 4.12	
25	H52510850200000025	TRAN THI VAN ANH	女	2003-03-21	040303013919	LE 4.12	
26	H52510850200000026	TA THI THUY	女	2008-03-14	040308003507	LE 4.12	
27	H52510850200000027	TRAN DANG THU THAO	女	2008-09-18	040308007474	LE 4.12	
28	H52510850200000028	NGUYEN DANH QUY	男	1989-08-06	042089019695	LE 4.12	
29	H52510850200000029	TRUONG THI VAN	女	1996-08-28	042196009259	LE 4.12	
30	H52510850200000030	NGUYEN THI THANH DIU	女	1997-05-04	042197007713	LE 4.12	
31	H52510850200000031	NGUYEN SY THANH DAT	男	2002-02-03	042202012268	LE 4.12	
32	H52510850200000032	NGUYEN HAI ANH	女	2009-07-30	042309009204	LE 4.12	
33	H52510850200000033	TRINH VIET KHAI	男	2000-03-01	062200001743	LE 4.12	
34	H52510850200000034	DANG THI THANH TRA	女	2002-10-14	066302013286	LE 4.12	
35	H52510850200000035	TRINH QUANG VINH	男	2000-02-17	074200001837	LE 4.12	
36	H52510850200000036	VU NGUYEN HA THANH	女	2008-09-07	091308015689	LE 4.12	
37	H52510850200000037	NGUYEN THI PHUONG	女	2000-08-11	P00647763	LE 4.12	
38	H52510850200000038	PHAN THI GIANG	女	2000-04-23	P03413979	LE 4.12	
39	H52510850200000039	NGUYEN HA VY	女	2008-06-09	001308027135	LE 4.12	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 15.11.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 4.14

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52510850200000040	TRAN THI THUY NGAN	女	2005-11-02	024305012314	LE 4.14	
2	H52510850200000041	NGUYEN THI LAN HUONG	女	2007-06-12	024307006143	LE 4.14	
3	H52510850200000042	NGUYEN THI KHANH HUYEN	女	2007-08-26	024307009822	LE 4.14	
4	H52510850200000043	TRAN HA PHUONG	女	2008-12-30	024308000594	LE 4.14	
5	H52510850200000044	NGUYEN NGOC DIEU ANH	女	2008-08-14	024308002643	LE 4.14	
6	H52510850200000045	LE NGOC MINH CHAU	女	2008-03-02	024308003564	LE 4.14	
7	H52510850200000046	TRINH THUY LINH	女	2008-02-10	024308003581	LE 4.14	
8	H52510850200000047	NGUYEN THI TUONG VI	女	2008-03-05	024308008650	LE 4.14	
9	H52510850200000048	PHAM DUONG KHANH HUYEN	女	2008-02-10	024308010690	LE 4.14	
10	H52510850200000049	NGO DANG NGHIA	男	2001-05-31	025201007573	LE 4.14	
11	H52510850200000050	NGUYEN DUC AN	男	2003-08-31	025203010430	LE 4.14	
12	H52510850200000051	NHAM DUC QUAN	男	2003-08-29	025203013158	LE 4.14	
13	H52510850200000052	DANG MINH TOAN	男	2004-06-29	025204010653	LE 4.14	
14	H52510850200000053	NGUYEN HUYEN TRANG	女	2002-09-13	025302007430	LE 4.14	
15	H52510850200000054	TRINH THI KHANH UYEN	女	2004-05-06	025304000405	LE 4.14	
16	H52510850200000055	NGUYEN VU CAM GIANG	女	2004-08-24	025304001998	LE 4.14	
17	H52510850200000056	CHU KIEU TRANG	女	2004-06-10	025304010243	LE 4.14	
18	H52510850200000057	NGUYEN THI MAI PHUONG	女	2005-11-05	025305005369	LE 4.14	
19	H52510850200000058	DONG QUYNH CHI	女	2008-07-08	025308003827	LE 4.14	
20	H52510850200000059	DIEU PHUONG DUNG	女	2008-06-22	025308010206	LE 4.14	
21	H52510850200000060	NGUYEN THI THU LAN	女	1977-12-25	026177002412	LE 4.14	
22	H52510850200000061	VU QUYNH ANH	女	1996-09-18	026196010086	LE 4.14	
23	H52510850200000062	DUONG THI HOA	女	1997-10-02	026197009154	LE 4.14	
24	H52510850200000063	NGUYEN DUC MANH	男	2006-10-01	026206004004	LE 4.14	
25	H52510850200000064	NGUYEN KHAC HIEU	男	2008-04-10	026208013573	LE 4.14	
26	H52510850200000065	DO TIEU NGOC	女	2002-11-23	026302002798	LE 4.14	
27	H52510850200000066	BUI PHUONG ANH	女	2003-09-05	026303004769	LE 4.14	
28	H52510850200000067	NGUYEN THI TU ANH	女	2003-09-14	026303007388	LE 4.14	
29	H52510850200000068	TRINH NGUYEN NHUNG	女	2008-02-12	026308000919	LE 4.14	
30	H52510850200000069	PHAN XUAN ANH	女	2008-10-10	026308007779	LE 4.14	
31	H52510850200000070	THAI NGOC MAI	女	2008-03-24	026308012263	LE 4.14	
32	H52510850200000071	NGUYEN XUAN CHIEU	男	1993-07-05	027093010294	LE 4.14	
33	H52510850200000072	VU THI THAO	女	1990-08-01	027190001785	LE 4.14	
34	H52510850200000073	HA THI NHUAN	女	1990-10-27	027190002080	LE 4.14	
35	H52510850200000074	LE THI VAN	女	1990-12-15	027190005452	LE 4.14	
36	H52510850200000075	DANG THI THUY LINH	女	1991-09-12	027191011244	LE 4.14	
37	H52510850200000076	DO THI THUY	女	1992-09-29	027192007955	LE 4.14	
38	H52510850200000077	NGHIEM THI NHI	女	1997-12-24	027197008906	LE 4.14	
39	H52510850200000078	PHUNG THI DIEM	女	1998-10-15	027198007536	LE 4.14	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 15.11.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 5.17

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52510850200000079	HA THI XUYEN	女	1998-09-18	020198002939	LE 5.17	
2	H52510850200000080	TRIEU THI THAM	女	1998-06-29	020198003987	LE 5.17	
3	H52510850200000081	DO VU THANH TRUNG	男	2002-02-11	020202001050	LE 5.17	
4	H52510850200000082	TRIEU VAN QUANG	男	2002-10-23	020202005662	LE 5.17	
5	H52510850200000083	NGUYEN VAN VINH	男	2003-11-05	020203000734	LE 5.17	
6	H52510850200000084	NONG CHI TOAN	男	2008-06-07	020208003673	LE 5.17	
7	H52510850200000085	LY HONG LUU	女	2002-05-01	020301006748	LE 5.17	
8	H52510850200000086	LY THI QUYEN	女	2002-10-26	020302003558	LE 5.17	
9	H52510850200000087	NONG THI VUI	女	2004-07-02	020304000582	LE 5.17	
10	H52510850200000088	HOANG THI SAM	女	2004-03-07	020304003778	LE 5.17	
11	H52510850200000089	LIEU THI HONG NHUNG	女	2004-03-08	020304006973	LE 5.17	
12	H52510850200000090	BE THI NHOI	女	2004-07-21	020304008310	LE 5.17	
13	H52510850200000091	LUONG HOANG TRINH ANH	女	2008-03-18	020308003832	LE 5.17	
14	H52510850200000092	TRAN MINH NGUYET	女	2008-05-02	020308005218	LE 5.17	
15	H52510850200000093	NGUYEN HOANG BAO NGAN	女	2009-07-13	020309003388	LE 5.17	
16	H52510850200000094	TRAN KIM ANH	女	2009-12-14	020309006215	LE 5.17	
17	H52510850200000095	VU THI KIM NGAN	女	2001-03-16	022301003093	LE 5.17	
18	H52510850200000096	DAO THI DUNG	女	2001-08-15	022301004311	LE 5.17	
19	H52510850200000097	BUI THI BICH NGOC	女	2003-01-19	022303000148	LE 5.17	
20	H52510850200000098	TRAN THI THANH HANG	女	2003-11-27	022303001669	LE 5.17	
21	H52510850200000099	TRAN THI NHUNG	女	2003-08-21	022303004713	LE 5.17	
22	H52510850200000100	LAI BICH THUY	女	2004-01-01	022304000240	LE 5.17	
23	H52510850200000101	TRAN THI MY LINH	女	2004-10-25	022304002955	LE 5.17	
24	H52510850200000102	LAI THI THEM TRANG	女	2004-12-20	022304003304	LE 5.17	
25	H52510850200000103	PHAM THI HONG QUY	女	2006-06-04	022306006973	LE 5.17	
26	H52510850200000104	DANG THUY TRAM	女	2008-05-21	022308008525	LE 5.17	
27	H52510850200000105	NGUYEN NGOC MINH PHUONG	女	2008-08-16	022308011597	LE 5.17	
28	H52510850200000106	NGUYEN THI NHUNG	女	1982-07-01	024182009951	LE 5.17	
29	H52510850200000107	NGUYEN THI THU HOAI	女	1996-08-27	024196014029	LE 5.17	
30	H52510850200000108	HOANG VAN CHIEN	男	2008-04-01	024208001438	LE 5.17	
31	H52510850200000109	DUONG TUE LONG	男	2008-11-15	024208008167	LE 5.17	
32	H52510850200000110	TRAN THI PHUONG ANH	女	2001-11-27	024301010976	LE 5.17	
33	H52510850200000111	DO LAN THACH QUE	女	2001-09-10	024301011347	LE 5.17	
34	H52510850200000112	VU THI MAI	女	2002-06-25	024302013785	LE 5.17	
35	H52510850200000113	DANG THI QUYNH	女	2004-09-24	024304001480	LE 5.17	
36	H52510850200000114	DOAN THI HIEN THAO	女	2004-03-11	024304002480	LE 5.17	
37	H52510850200000115	LE THI HUE	女	2004-09-18	024304002763	LE 5.17	
38	H52510850200000116	THAN THI NGOC CHUYEN	女	2004-12-05	024304003028	LE 5.17	
39	H52510850200000117	TA THI THU TRANG	女	2004-04-05	024304008909	LE 5.17	
40	H52510850200000118	NGUYEN THI PHUONG THANH	女	2004-06-07	024304009089	LE 5.17	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 15.11.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 5.18

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52510850200000119	VU ANH HANG	女	2004-08-02	010304003827	LE 5.18	
2	H52510850200000120	LA THI NGAN	女	2004-01-17	010304005022	LE 5.18	
3	H52510850200000121	NGUYEN THUY DUYEN	女	2008-11-13	010308001481	LE 5.18	
4	H52510850200000122	NGUYEN KHANH NGOC	女	2008-08-25	010308005761	LE 5.18	
5	H52510850200000123	BUI NGUYEN QUYNH ANH	女	2008-11-09	010308008592	LE 5.18	
6	H52510850200000124	DO HONG LINH	女	2011-02-02	010311001637	LE 5.18	
7	H52510850200000125	NGUYEN GIA HUY	男	2008-09-19	011208001109	LE 5.18	
8	H52510850200000126	TRAN NGUYEN KHANH HUYEN	女	2008-02-26	011308005718	LE 5.18	
9	H52510850200000127	HOANG THI HAO	女	1996-03-24	012196002176	LE 5.18	
10	H52510850200000128	NGUYEN PHUONG HUYEN ANH	女	2002-10-23	012302006493	LE 5.18	
11	H52510850200000129	RANG VIET TIEN	男	1991-04-19	015091016051	LE 5.18	
12	H52510850200000130	BUI HA THUY	女	2002-04-25	015302006023	LE 5.18	
13	H52510850200000131	TRIEU THI TIEN	女	2002-05-22	015302008594	LE 5.18	
14	H52510850200000132	KHUONG KIM THI	女	2004-09-26	015304000897	LE 5.18	
15	H52510850200000133	TRAN THI HOA	女	2005-09-02	015305006042	LE 5.18	
16	H52510850200000134	HOANG THANH HANG	女	2008-07-03	015308006614	LE 5.18	
17	H52510850200000135	DUONG VAN HOAN	男	1991-03-03	019091009342	LE 5.18	
18	H52510850200000136	VU THI THU	女	1993-04-21	019193008053	LE 5.18	
19	H52510850200000137	LAM THI THAO	女	2001-03-27	019301006177	LE 5.18	
20	H52510850200000138	LANG THI TRANG	女	2002-01-29	019302003271	LE 5.18	
21	H52510850200000139	VU THI PHUONG	女	2002-11-14	019302004568	LE 5.18	
22	H52510850200000140	GIAP THI THANH HOAI	女	2002-07-31	019302008377	LE 5.18	
23	H52510850200000141	DANG THI QUYNH LY	女	2003-09-16	019303004175	LE 5.18	
24	H52510850200000142	HOANG THU HIEU	女	2003-01-28	019303011970	LE 5.18	
25	H52510850200000143	DANG THU UYEN	女	2004-03-02	019304000296	LE 5.18	
26	H52510850200000144	CHU HONG NGOC	女	2004-06-24	019304000812	LE 5.18	
27	H52510850200000145	NGUYEN THI CHUC	女	2004-12-17	019304007568	LE 5.18	
28	H52510850200000146	NGUYEN THI THAM	女	2004-12-17	019304007778	LE 5.18	
29	H52510850200000147	LE THI YEN LY	女	2004-10-24	019304007827	LE 5.18	
30	H52510850200000148	DANG PHUONG OANH	女	2007-05-25	019307004279	LE 5.18	
31	H52510850200000149	VU HOANG MAI	女	2008-09-11	019308000471	LE 5.18	
32	H52510850200000150	BUI PHUONG ANH	女	2008-09-08	019308005414	LE 5.18	
33	H52510850200000151	PHAM TRINH ANH THU	女	2008-10-10	019308007535	LE 5.18	
34	H52510850200000152	PHAM THUY ANH	女	2008-12-12	019308009388	LE 5.18	
35	H52510850200000153	DAM VAN THEM	男	1994-09-04	020094003777	LE 5.18	
36	H52510850200000154	HOANG VAN HIEU	男	1997-12-15	020097004123	LE 5.18	
37	H52510850200000155	HUA THANH BINH	女	1992-04-04	020192006265	LE 5.18	
38	H52510850200000156	VI THI CUC	女	1995-08-05	020195008754	LE 5.18	
39	H52510850200000157	DAM THI HUONG	女	1996-10-02	020196004886	LE 5.18	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 15.11.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 5.21

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52510850200000158	NGUYEN DIEU LINH	女	1992-02-13	001192021594	LE 5.21	
2	H52510850200000159	LE THI BICH NU	女	1994-08-30	001194009747	LE 5.21	
3	H52510850200000160	CHU THANH HANG	女	1995-06-14	001195016368	LE 5.21	
4	H52510850200000161	NGUYEN THI AN	女	1995-05-21	001195025830	LE 5.21	
5	H52510850200000162	TRAN THI NGAT	女	1999-01-13	001199016819	LE 5.21	
6	H52510850200000163	NGUYEN THANH TUNG	男	2002-05-22	001201005496	LE 5.21	
7	H52510850200000164	LE HOANG MINH	男	2006-11-18	001206075492	LE 5.21	
8	H52510850200000165	NGUYEN VIET BAO TRUNG	男	2008-11-17	001208015520	LE 5.21	
9	H52510850200000166	TRAN TRONG NHAN	男	2008-10-30	001208023272	LE 5.21	
10	H52510850200000167	PHUNG THI HAI	女	2001-06-12	001301007481	LE 5.21	
11	H52510850200000168	PHAM THI THANH THUY	女	2002-03-06	001302000249	LE 5.21	
12	H52510850200000169	NGUYEN THU HA	女	2003-11-16	001303019016	LE 5.21	
13	H52510850200000170	PHAN VI LINH	女	2006-12-24	001306031218	LE 5.21	
14	H52510850200000171	NGUYEN THI LIEU	女	2006-06-15	001306062589	LE 5.21	
15	H52510850200000172	LE DIEU LINH	女	2006-09-04	001306071219	LE 5.21	
16	H52510850200000173	LE NHU ANH	女	2008-03-29	001308006023	LE 5.21	
17	H52510850200000174	HOANG THI HUONG GIANG	女	2008-08-27	001308006586	LE 5.21	
18	H52510850200000175	NGUYEN THI NGOC ANH	女	2008-07-01	001308010506	LE 5.21	
19	H52510850200000176	NGUYEN HUONG ANH	女	2008-01-24	001308010520	LE 5.21	
20	H52510850200000177	LUU XUAN AN	女	2008-03-01	001308010934	LE 5.21	
21	H52510850200000178	NGUYEN THI HONG THAM	女	2008-09-01	001308027482	LE 5.21	
22	H52510850200000179	NGUYEN THI HIEN ANH	女	2008-05-25	001308027735	LE 5.21	
23	H52510850200000180	DAO THI THAO NGUYEN	女	2008-07-09	001308033773	LE 5.21	
24	H52510850200000181	PHAM NGUYEN BAO ANH	女	2008-09-03	001308034681	LE 5.21	
25	H52510850200000182	NGUYEN QUYNH ANH	女	2008-05-23	001308036976	LE 5.21	
26	H52510850200000183	PHUNG THU HA	女	2008-08-19	001308041326	LE 5.21	
27	H52510850200000184	HOANG KHANH NGOC	女	2008-11-10	001308046317	LE 5.21	
28	H52510850200000185	NGUYEN THI ANH THU	女	2008-04-07	001308057077	LE 5.21	
29	H52510850200000186	DUNG THI HOA	女	1997-05-10	002197005860	LE 5.21	
30	H52510850200000187	HOANG THI DIU	女	2001-03-02	002301006501	LE 5.21	
31	H52510850200000188	NONG THI NGAN	女	1999-04-01	004199003878	LE 5.21	
32	H52510850200000189	DAO THI HAI MINH	女	2003-07-07	004303001475	LE 5.21	
33	H52510850200000190	NONG THI BICH	女	2004-06-28	004304001321	LE 5.21	
34	H52510850200000191	DANG THI HAU	女	1993-08-29	008193007453	LE 5.21	
35	H52510850200000192	NGUYEN MINH NGOC	女	2003-02-27	008303000170	LE 5.21	
36	H52510850200000193	HOANG TRA MY	女	2008-12-19	008308005965	LE 5.21	
37	H52510850200000194	LY THI CHINH	女	1996-10-02	010196000414	LE 5.21	
38	H52510850200000195	NGUYEN THI THUY	女	1997-05-23	010197003267	LE 5.21	
39	H52510850200000196	TAI THI TRANG	女	2001-12-10	010301000914	LE 5.21	

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 15.11.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - IE 4.13

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52510850200000197	NGUYEN HUYEN TRANG	女	2003-07-23	027303003026	IE 4.13	
2	H52510850200000198	TRAN THI THU HA	女	2003-07-22	027303004155	IE 4.13	
3	H52510850200000199	DAO THI CHUNG	女	2003-01-16	027303004936	IE 4.13	
4	H52510850200000200	NGO THI PHUONG THAO	女	2004-11-12	027304005883	IE 4.13	
5	H52510850200000201	NGUYEN TRA MY	女	2006-09-30	027306000447	IE 4.13	
6	H52510850200000202	NGO QUYNH CHI	女	2008-07-04	027308001632	IE 4.13	
7	H52510850200000203	NGHIEM THI HONG NHUNG	女	2008-02-29	027308003346	IE 4.13	
8	H52510850200000204	NGUYEN MAI ANH	女	2008-02-10	027308006057	IE 4.13	
9	H52510850200000205	PHUNG KHANH HUYEN	女	2008-12-27	030308000707	IE 4.13	
10	H52510850200000206	NGHIEM PHUONG ANH	女	2008-06-01	030308002185	IE 4.13	
11	H52510850200000207	DINH HA CHI	女	2008-09-24	030308004524	IE 4.13	
12	H52510850200000208	NGUYEN NGOC YEN NHI	女	2008-06-11	030308012743	IE 4.13	
13	H52510850200000209	NGUYEN MAI QUYEN	女	2009-03-24	030309016953	IE 4.13	
14	H52510850200000210	NGUYEN THI THANH HUYEN	女	1991-02-15	031191022231	IE 4.13	
15	H52510850200000211	VU MINH DAT	男	2003-06-12	031203002202	IE 4.13	
16	H52510850200000212	DANG LE QUAN	女	2003-12-17	031303001257	IE 4.13	
17	H52510850200000213	DO THI THU TRA	女	2004-11-01	031304002319	IE 4.13	
18	H52510850200000214	NGUYEN XUAN HANG	女	2008-07-19	031308001041	IE 4.13	
19	H52510850200000215	NGUYEN TRAN HA MY	女	2008-01-01	031308002546	IE 4.13	
20	H52510850200000216	VU THI THUY NGA	女	2008-08-17	031308013714	IE 4.13	
21	H52510850200000217	LE TRAN DUC TRONG	男	2008-06-16	033208006515	IE 4.13	
22	H52510850200000218	BUI TIEN QUOC	男	2008-10-05	033208013597	IE 4.13	
23	H52510850200000219	LE HA MY	女	2004-09-18	033304005122	IE 4.13	
24	H52510850200000220	TRAN BAO NGOC	女	2008-08-16	033308009144	IE 4.13	
25	H52510850200000221	NGUYEN THI THUONG	女	1990-11-20	034190002760	IE 4.13	
26	H52510850200000222	NGUYEN THI NGOC	女	1994-12-15	034194000837	IE 4.13	
27	H52510850200000223	PHAM THI LE	女	1998-06-22	034198000869	IE 4.13	
28	H52510850200000224	NGUYEN THU HIEN	女	2002-03-09	034302003798	IE 4.13	
29	H52510850200000225	DO VU NHAT LINH	女	2003-11-13	034303001762	IE 4.13	
30	H52510850200000226	NGUYEN THI THANH TRUC	女	2003-11-05	034303009764	IE 4.13	
31	H52510850200000227	NGUYEN THI THU HUONG	女	2003-09-18	034303011283	IE 4.13	
32	H52510850200000228	HOANG THI DUNG	女	2004-10-11	034304005940	IE 4.13	
33	H52510850200000229	NGUYEN THI THU TRANG	女	2004-10-27	034304007627	IE 4.13	
34	H52510850200000230	PHAN THI CAM LY	女	2006-12-13	034306006828	IE 4.13	
35	H52510850200000231	VU THAO MY	女	2007-11-04	034307007039	IE 4.13	
36	H52510850200000232	DO THI MINH TRANG	女	2008-02-19	034308003013	IE 4.13	
37	H52510850200000233	NGUYEN TRAN THAO CHI	女	2008-04-22	034308004535	IE 4.13	
38	H52510850200000234	DANG BUI YEN NHI	女	2008-06-02	034308014270	IE 4.13	
39	H52510850200000235	NGUYEN THU HUONG	女	1998-01-15	035198005842	IE 4.13	